

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		300,715,050,549	371,614,950,906
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		75,311,148,146	151,620,919,151
111	1. Tiền	2	60,311,148,146	151,620,919,151
112	2. Các khoản tương đương tiền	3	15,000,000,000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		86,570,858,102	93,986,465,021
121	1. Đầu tư ngắn hạn	4	86,961,496,146	94,377,103,065
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(390,638,044)	(390,638,044)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	130,433,834,942	119,867,324,485
131	1. Phải thu của khách hàng		1,045,743,912	4,135,708,860
132	2. Trả trước cho người bán		2,558,878,613	1,196,510,938
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		20,428,237,806	1,811,586,552
138	5. Các khoản phải thu khác		106,400,974,611	112,723,518,135
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8,399,209,359	6,140,242,249
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		644,094,561	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4,821,100	
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		7,750,293,698	6,140,242,249
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		29,432,049,760	31,125,288,715
220	II. Tài sản cố định	6	10,812,200,825	11,179,878,716
221	1. Tài sản cố định hữu hình		8,933,370,395	9,215,388,686
222	- Nguyên giá		11,342,907,894	11,258,216,894
223	- Giá trị hao mòn lũy kế(*)		(2,409,537,499)	(2,042,828,208)
227	3. Tài sản cố định vô hình		1,878,830,430	1,964,490,030
228	- Nguyên giá		2,286,824,777	2,286,824,777
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(407,994,347)	(322,334,747)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12,715,000,000	12,715,000,000
258	4. Đầu tư dài hạn khác	7	12,715,000,000	12,715,000,000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5,904,848,935	7,230,409,999
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5,728,611,953	7,054,173,017
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	9	176,236,982	176,236,982
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		330,147,100,309	402,740,239,621

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2010

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
300	A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		169,733,459,540	234,556,660,549
310	I. Nợ ngắn hạn		169,733,459,540	234,556,660,549
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	10,000,000,000	61,100,000,000
312	2. Phải trả người bán		60,187,850	176,734,395
313	3. Người mua trả tiền trước		30,023,276	5,023,276
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	6,925,849,942	3,713,025,511
315	5. Phải trả người lao động		884,657,240	687,811,591
316	6. Chi phí phải trả			471,952,448
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		497,000,000	497,000,000
321	9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		250,329,250	9,120
328	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	151,085,411,982	167,905,104,208
400	B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)		160,413,640,769	168,183,579,072
410	I - Vốn chủ sở hữu	13	159,793,934,933	168,183,579,072
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150,000,000,000	150,000,000,000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		816,709,047	
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		816,709,047	
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8,160,516,839	18,183,579,072
430	II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		619,705,836	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		330,147,100,309	402,740,239,621

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
006	6. Chứng khoán lưu ký		329,825,490,000	289,007,050,000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		329,825,490,000	289,007,050,000

Người lập

Vũ Thu Thủy

Kế toán trưởng

Đào Thị Thanh

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2010



Tổng giám đốc

Nguyễn Phúc Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ I NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
01	1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	14	20,973,875,009	1,404,818,452
01.1		Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư		5,563,472,025	349,228,685
01.2		Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		7,913,672,776	639,958,360
01.5		Doanh thu hoạt động tư vấn		(103,286,757)	27,500,000
01.9		Doanh thu khác		7,600,016,965	388,131,407
02	2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		20,973,875,009	1,404,818,452
11	4	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	15	5,110,681,132	2,088,938,356
20	5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		15,863,193,877	(684,119,904)
25	6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	5,277,192,135	3,842,490,075
30	7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		10,586,001,742	(4,526,609,979)
31	8	Thu nhập khác		3,699,000	-
32	9	Chi phí khác			
40	10	Lợi nhuận khác		3,699,000	-
50	11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10,589,700,742	(4,526,609,979)
51	12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	2,613,110,561	
60	14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7,976,590,182	(4,526,609,979)
70	15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	532	

* Ghi chú: - Lợi nhuận tính thuế = Lợi nhuận trước thuế - Lãi đầu tư (Lãi đầu tư kỳ này là 137.258.500 và nằm trong khoản mục doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn)

Người lập

Vũ Thu Thủy

Kế toán trưởng

Đào Thị Thanh

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2010

Tổng giám đốc



Nguyễn Phúc Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Quý I năm 2010	Năm 2009
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1 Lợi nhuận trước thuế	10,589,700,742	21,415,124,447
02	Khấu hao tài sản cố định	452,368,891	1,595,077,690
03	Các khoản dự phòng	-	(1,952,362,384)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(4,558,071,880)	(10,011,346,799)
06	Chi phí lãi vay	409,687,000	350,632,556
08	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	6,893,684,753	11,397,125,510
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(12,161,561,906)	(109,936,737,606)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(16,336,311,570)	153,934,432,938
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	681,466,557	1,828,767,662
13	Tiền lãi vay đã trả	(409,687,000)	(350,632,556)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(87,335,210)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3,699,000	46,500,000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(15,770,048,638)	(2,477,216,081)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(37,098,758,804)	54,354,904,657
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(84,691,000)	(1,865,244,539)
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(14,415,500,000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	30,738,469,195	-
25	5 Tiền chi mua chứng khoán	(38,450,307,000)	(114,607,653,580)
26	6 Tiền thu hồi bán lại chứng khoán	15,127,444,724	109,772,043,524
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4,558,071,880	10,011,346,799
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	11,888,987,799	(11,105,007,796)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	9,068,000,000
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	10,000,000,000	110,750,000,000
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay	(61,100,000,000)	(49,650,000,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(51,100,000,000)	70,168,000,000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(76,309,771,005)	113,417,896,861

60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	151,620,919,151	38,203,022,290
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	75,311,148,146	151,620,919,151

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2010

Người lập



Vũ Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đào Thị Thanh



Tổng giám đốc

Nguyễn Phúc Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2010

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 04 Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

Các đơn vị thành viên sau**Tên đơn vị**

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ

Villa số 3, số 2BIS Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/1/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là :

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

II . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng năm đầu tiên, kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 11/01/2008 đến ngày 31/12/2008.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm quản lý	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thành lập.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế***Thuế hiện hành***

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý I năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 12 tháng 2 năm 2010 về việc gia hạn nộp thuế TNDN nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2010.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

Chi tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ (VND)
a) Của Công ty chứng khoán	965,610	40,214,537,000
- Cổ phiếu	965,610	40,214,537,000
b) Của nhà đầu tư	85,706,770	3,130,991,601,000
- Cổ phiếu	85,433,840	3,128,249,287,000
- Chứng chỉ quỹ	272,930	2,742,314,000
Tổng cộng	86,672,380	3,171,206,138,000

2. TIỀN

	31/03/2010
	VND
Tiền mặt tại quỹ	6,781,209,025
Tiền gửi ngân hàng	1,070,330,370
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	50,369,987,558
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2,089,621,193
Cộng	60,311,148,146

3. CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2010
	VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tuần - NH BIDV - CN Hà Thành	15,000,000,000
Cộng	15,000,000,000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2010
	VND
Chứng khoán thương mại	48,901,496,146
- Chứng khoán niêm yết	31,100,127,820
- Chứng khoán chưa niêm yết	17,801,368,326
Đầu tư ngắn hạn khác	38,060,000,000
- Ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần VICS INVEST	6,560,000,000
- Cho Công ty CP Handico 68 vay	2,000,000,000
- Đặt cọc và cho vay thực hiện dự án COMA TOWER	10,000,000,000
- Tiền gửi có lý hạn tại ngân hàng	19,500,000,000
Cộng	86,961,496,146

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/03/2010
	VND
1. Phải thu khách hàng	1,045,743,912
2. Trả trước cho người bán	2,558,878,613
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	20,428,237,806
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	20,428,237,806
4. Phải thu khác	106,400,974,611
- Phải thu hoạt động hợp tác kinh doanh chứng khoán với nhà đầu tư	101,808,758,392
- Thủ lao và các khoản chi hệ cho Hội đồng quản trị trong quý I năm 2010	51,000,000
- Lãi tiền gửi ngân hàng tính đến hết ngày 31/03/2010	1,810,489,042
- Dự thu doanh thu cuối quý I năm 2010	2,620,192,791
- Phải thu khác	110,534,386
Cộng	130,433,834,942

6. Tài sản cố định

Tăng giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Đơn vị tính: VND
				Cộng
I Nguyên giá TSCĐ				
1 Số dư đầu kỳ	1,082,923,000	4,260,474,859	5,914,819,035	11,258,216,894
2 Số tăng trong kỳ	-	-	84,691,000	84,691,000
- Mua sắm mới	-	-	84,691,000	84,691,000
3.Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4.Số cuối kỳ	1,082,923,000	4,260,474,859	5,999,510,035	11,342,907,894
II Giá trị hao mòn lũy kế				
1 Số đầu kỳ	209,295,918	668,975,715	1,164,556,575	2,042,828,208
2 Khấu hao trong kỳ	35,165,712	133,179,168	198,364,411	366,709,291
3 Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4 Số cuối kỳ	244,461,630	802,154,883	1,362,920,986	2,409,537,499
III Giá trị còn lại				
1 Tại ngày đầu kỳ	873,627,082	3,591,499,144	4,750,262,460	9,215,388,686
2 Tại ngày cuối kỳ	838,461,370	3,458,319,976	4,636,589,049	8,933,370,395

Tăng giảm TSCĐ Vô Hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ		
1 Số dư đầu kỳ	2,286,824,777	-
2 Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua sắm mới		-
4 Số cuối kỳ	2,286,824,777	-
II Giá trị hao mòn lũy kế		
1 Số đầu kỳ	322,334,747	322,334,747
2 Khấu hao trong kỳ	85,659,600	85,659,600
4 Số cuối kỳ	407,994,347	-
III Giá trị còn lại		
1 Tại ngày đầu kỳ	1,964,490,030	-
2 Tại ngày cuối kỳ	1,878,830,430	-

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TM VÀ CN VIỆT NAM
Tầng 04, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý I năm 2010

c) Tình hình đầu tư TSCĐ và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/3/2010	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
150,816,709,047	Nguyên giá	13,629,732,671	0.09
	Khấu hao	(2,817,531,846)	
	Giá trị còn lại	10,812,200,825	0.07
Cộng	x	x	x

7 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2010 VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần VICS INVEST	15,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại NH Habubank - CN Hà Đông	12,700,000,000
Cộng	12,715,000,000

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2010 VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	2,134,859,300
Chi phí CCDC chờ phân bổ	2,025,253,672
Chi phí thuê văn phòng	346,488,150
Chi phí trả trước dài hạn khác	1,222,010,831
Cộng	5,728,611,953

9 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/03/2010 VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	52,351,152
Tiền lãi phân bổ	3,885,830
Cộng	176,236,982

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2010 VND
Vay ngắn hạn	
- Vay Công ty TNHH Nhà nước MTV đầu tư và PTNN Hà Nội	10,000,000,000
Cộng	10,000,000,000

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/03/2010 VND
Thuế GTGT	3,285,221
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6,260,623,038
Thuế Thu nhập cá nhân	661,941,683
Cộng	6,925,849,942

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TM VÀ CN VIỆT NAM**Báo cáo tài chính****Tầng 04, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội****Quý I năm 2010**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi bởi quyết định của cơ quan thuế

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

31/03/2010

VND

Tài sản thừa chờ xử lý	12,515,091
Kinh phí công đoàn	32,421,376
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	106,749,069
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	52,453,768,874
Tiền nộp mua chứng khoán phát hành thêm chưa chuyển cho TTLK	669,800,000
Phải trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông của VICS	11,250,000,000
Phải trả hoạt động hợp tác kinh doanh với Công ty tài chính CP Handico	50,000,000,000
Phải trả vay vốn ngắn hạn các đối tượng khác	36,099,486,800
Phải trả, phải nộp khác	460,670,772
Cộng	151,085,411,982

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150,000,000,000	-	-	150,000,000,000
Vốn khác của chủ sở hữu	-	816,709,047	-	816,709,047
Quỹ dự phòng tài chính	-	816,709,047		816,709,047
LN sau thuế chưa phân phối	18,183,579,072	7,976,590,182	17,999,652,415	8,160,516,839
Tổng cộng	168,183,579,072	9,610,008,276	17,999,652,415	159,793,934,933

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Quý I năm 2010

Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	5,563,472,025
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7,913,672,776
Doanh thu hoạt động tư vấn	(103,286,757)
Doanh thu khác	7,600,016,965
- Lãi tiền gửi	1,266,971,252
- Doanh thu dịch vụ về vốn	5,348,993,415
- Doanh thu khác	984,052,298
Cộng	20,973,875,009

15 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Quý I năm 2010

Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	1,885,917,116
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	233,259,000
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	30,642,924
Chi phí về vốn kinh doanh	921,058,459
- Trả lãi tiền vay	409,687,000

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TM VÀ CN VIỆT NAM**Báo cáo tài chính****Tầng 04, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội****Quý I năm 2010**

- Trả lãi tiền gửi cho nhà đầu tư	511,371,459
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	2,039,803,633
- Chi phí nhân viên	1,237,201,213
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	146,314,222
- Chi phí khấu hao TSCĐ	92,016,366
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	299,645,608
- Chi phí khác bằng tiền	264,626,224
Cộng	5,110,681,132

16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Quý I năm 2010

Chi phí nhân viên	1,224,958,623
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	451,919,639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	360,352,525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,842,149,021
Chi phí khác bằng tiền	1,397,812,327
Cộng	5,277,192,135

17 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Quý I năm 2010

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,589,700,742
Cổ tức nhận được	137,258,500
Tổng lợi nhuận tính thuế	10,452,442,242
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2,613,110,561

18 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Quý I năm 2010

Tổng lợi nhuận sau thuế	7,976,590,182
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	532

19 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CÔNG TY NẪM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

Quý I năm 2010

Tiền gửi của NĐT về giao dịch chứng khoán	50,369,987,558
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2,083,781,316
Cộng	52,453,768,874

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty

20 . Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I năm 2010
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	3.27%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	99.97%
2. Tỷ suất lợi nhuận		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	38.03%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	4.99%

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TM VÀ CN VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Tầng 04, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Quý I năm 2010

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	2.42%
- Tỷ suất lợi nhuận thuần từ HĐKD/doanh thu thuần	%	50.47%
3. Tình hình tài chính		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	51.41%
- Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	106.22%
- Khả năng thanh toán		
Hiện thời: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	lần	1.88
Thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	lần	1.88
Thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn	lần	0.44

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Thu Thủy

Đào Thị Thanh

Nguyễn Phúc Long